

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 151/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 8 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội**  
**huyện Minh Long đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 197/SKH&ĐT ngày 14/4/2011 và UBND huyện Minh Long tại Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 28/3/2011 về việc xin phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Minh Long từ năm 2011 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Minh Long đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu sau:

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

1. Phát huy cao độ các tiềm năng thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước và tỉnh Quảng Ngãi nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá.

2. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng như mạng lưới giao thông, cấp điện, cung cấp nước sạch, trường học, trạm y tế, các công trình phúc lợi công cộng,... đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

3. Phát triển kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, hạ thấp tỷ lệ tăng dân số, xoá bỏ tình trạng trẻ em bỏ học, tạo công ăn việc làm, xoá đói giảm nghèo.

4. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái; coi trọng các giải pháp phòng tránh thiên tai để giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất và đời sống nhân dân.

5. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với yêu cầu đảm bảo quốc phòng - an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng huyện Minh Long có tốc độ phát triển nhanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Phân đấu đến năm 2020 khoảng cách chênh lệch trong phát triển kinh tế của huyện so với các huyện khác trong tỉnh Quảng Ngãi được rút ngắn, mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được nâng cấp, đời sống nhân dân được nâng cao, tinh đoàn kết dân tộc được tăng cường, an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, môi trường được giữ vững.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **a) Về phát triển kinh tế**

- Giá trị sản xuất tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 11%/năm với ngành nông, lâm, thủy sản, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 18%, thương mại dịch vụ 16%; giai đoạn 2016-2020 đạt bình quân chung là: 17%/năm.

- Đến năm 2015, tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng là 44,9%, khu vực dịch vụ chiếm 29,2%, ngành nông, lâm, thủy sản giảm xuống còn 25,9%. Đến năm 2020 công nghiệp - xây dựng chiếm 52,3%; khu vực dịch vụ chiếm 30,5%, nông, lâm, thủy sản giảm xuống còn 17,2%.

Phân đấu thực hiện các biện pháp tăng thu ngân sách hàng năm trên địa bàn từ 9-10% so với chỉ tiêu tỉnh giao.

#### **b) Về phát triển xã hội**

- Trong giai đoạn đến năm 2015 mỗi năm phân đấu đạt mức giảm tỷ lệ sinh còn 0,4- 0,5‰, sau năm 2015 mỗi năm giảm tỷ lệ sinh còn 0,2- 0,3‰.

- Phân đấu đến năm 2015 có 25% trường mầm non, 40% trường tiểu học, 25% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; đến năm 2020 có trên 70% trường mầm non, 75% trường tiểu học, 60% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

- Tăng cường chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, giảm tỷ lệ mắc bệnh của nhân dân. Hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 35% vào năm 2015 và dưới 18% vào năm 2020.

- Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 30% vào năm 2015, dưới 15% vào năm 2020 theo chuẩn nghèo của các giai đoạn tương ứng.

Hàng năm giải quyết việc làm mới và thêm việc làm cho 300 lao động vào năm 2015, 400 lao động vào năm 2020, trong đó xuất khẩu lao động hàng năm từ 50- 70 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 20% vào năm 2015 và 30% vào năm 2020.

Phần đầu 20% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới vào năm 2015 và đạt 60% vào năm 2020.

Đến năm 2015, 100% các tuyến đường từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn được thâm nhập nhựa hoặc bê tông xi măng.

### **c) Về bảo vệ môi trường**

- Phần đầu tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh nâng lên 90% vào năm 2015 và 95-100% vào năm 2020.

- Phần đầu tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2015 giữ ổn định đạt 65%, đến năm 2020 đạt tỷ lệ 70%.

- Đến năm 2015, 85 % số hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh và đạt 100% vào năm 2020. Chấm dứt tình trạng chăn nuôi gia súc thả rông.

### **d) Về an ninh, quốc phòng:**

- Giữ vững trật tự xã hội và an ninh quốc gia, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. củng cố vững chắc tình đoàn kết dân tộc.

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, từng bước xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc, sẵn sàng phục vụ địa phương vào thời chiến hoặc khi có tình huống xảy ra.

## **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC**

### **1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản**

#### **a) Quan điểm phát triển nông, lâm, thủy sản**

Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp là nhiệm vụ quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước giảm nghèo bền vững, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân.

Phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp theo hướng phát huy hết thế mạnh của vùng miền núi là lâm nghiệp (cây nguyên liệu...), chăn nuôi đại gia súc và kinh tế vườn rừng, phù hợp hệ sinh thái, phát triển một cách bền vững.

Khai thác và sử dụng hiệu quả những tiềm năng hiện có của huyện như đất đai, sức lao động, nguồn vốn trong dân...

Xây dựng ngành nông, lâm, thủy sản của huyện trở thành ngành sản xuất hàng hoá với sản phẩm đa dạng, gắn liền với thị trường tiêu thụ sản phẩm. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

### **b) Mục tiêu phát triển**

Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2011-2015 đạt trên 6,3%/năm và giai đoạn 2016-2020 tăng trưởng với tốc độ 6,4%/năm trở lên. Trong đó:

- Nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2011-2015 đạt mức bình quân 6,2%/năm và giai đoạn 2016-2020 đạt mức bình quân 6,3%/năm.

- Nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015 đạt mức bình quân 6,2%/năm và giai đoạn 2016-2020 đạt mức bình quân 6,4%/năm.

- Nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành thủy sản giai đoạn 2011-2015 đạt mức bình quân 15%/năm và giai đoạn 2016-2020 đạt mức bình quân 10%/năm.

Đến năm 2020, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp xuống còn 74,5%; tỷ trọng ngành lâm nghiệp tăng lên 22,6%; tỷ trọng ngành thủy sản tăng lên, chiếm 2,9% tổng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản.

- Phát triển theo mô hình sản xuất hàng hoá, chuyển dịch cơ cấu cây trồng để tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương, phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất canh tác sao cho trên một ha canh tác đem lại thu nhập nhiều nhất cho người nông dân.

- Phấn đấu đưa giá trị thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp đạt 40 - 45 triệu đồng/ha vào năm 2015 và đạt 50 triệu đồng/ha vào năm 2020.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi đại gia súc và gia cầm hàng hóa với quy mô thích hợp; giảm dần chăn nuôi theo quy mô nhỏ lẻ, tận dụng, phân tán trong khu dân cư; Hình thành các vùng chăn nuôi tập trung theo hình thức trang trại, gia trại, nuôi bán công nghiệp, công nghiệp, gắn với các cơ sở chế biến và xử lý chất thải

Phát triển đàn gia cầm theo hướng kiêm dụng thịt, trứng. Khuyến khích tăng số lượng giống gà của địa phương. Đưa các giống gia cầm, thủy cầm siêu trứng, siêu thịt vào sản xuất. Sử dụng các giống gia cầm có chất lượng cao như gà siêu thịt, siêu trứng, gà pha công nghiệp, các giống gà thả vườn của nước ngoài như Sặc so, Tam Hoàng, Lương Phượng, Vịt siêu thịt, giống ngan Pháp,...

Tiếp tục phát triển nhanh quy mô đàn bò ở các xã trong toàn huyện. Nâng cao chất lượng đàn bò, thúc đẩy phát triển đàn bò thương phẩm hàng hoá. Đẩy mạnh Sind hóa đàn bò, dùng nhóm bò Zêbu gồm: bò lai Sind, bò Sahiwal, bò Brahman... để cải tạo đàn bò. Giảm dần số lượng đàn trâu, không khuyến khích nuôi trâu. Phần đầu đến 2020 có 5.500 con bò, trong đó trên 80% là bò lai Sind, số lượng bò từ chăn nuôi trang trại, gia trại chiếm 60% tổng đàn.

Hướng dẫn và vận động nhân dân trồng cỏ đảm bảo thức ăn cho đàn trâu bò, gồm các giống cỏ Voi, cỏ Sữa, cỏ Ghinê... khoảng 20 ha (quỹ đất lấy khoảng 5-10 ha diện tích cây lúa kém hiệu quả và 10 - 15 ha đất màu gò đồi) thông qua nguồn vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội và nguồn vốn chương trình, dự án hỗ trợ cho đồng bào miền núi.

### **c) Các giải pháp thực hiện**

+ Phân vùng quy hoạch bố trí sản xuất: Tiến hành khảo sát, nghiên cứu và xác định thổ nhưỡng ở các xã để làm cơ sở bố trí cây, con cho phù hợp với thổ nhưỡng từng vùng, đảm bảo yêu cầu chuyên canh, thâm canh và phù hợp với tập quán canh tác ở các địa phương. Hình thành các vùng sản xuất hàng hoá và nguyên liệu tập trung như vùng chè, vùng keo, cây cau, cây mỳ, cây mây, vùng trồng ngô... để phục vụ cho chế biến.

- Đổi mới phương thức canh tác: Thay đổi tập quán canh tác lạc hậu của nông dân. Đẩy mạnh các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tập trung đẩy mạnh thâm canh trong sản xuất, đổi mới phương thức luân canh, xen canh gối vụ để nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Mở rộng diện tích vụ đông đồng thời bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng vụ đông, thực hiện nghiêm ngặt lịch thời vụ, cơ cấu giống theo từng mùa vụ nhằm né tránh thời tiết bất lợi.

- Đưa vào sản xuất các loại giống cây mới để tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, đảm bảo vừa đạt mục tiêu về sản lượng, vừa có chất lượng cao để chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hoá.

- Hướng dẫn nhân dân phòng trừ sâu bệnh đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra đến các cơ sở để kịp thời phát hiện dịch bệnh và có biện pháp ngăn ngừa dịch bệnh cho cây trồng và phòng trừ hiệu quả. Thực hiện chương trình "3 tăng, 3 giảm" (Giảm: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống; Tăng: năng suất, chất lượng, hiệu quả).

- Tiếp tục xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ ngành nông nghiệp, đặc biệt là hệ thống thuỷ lợi, nâng cấp hệ thống kênh mương, tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ các vùng sản xuất tập trung. Đáp ứng kịp thời nhu cầu vật tư cho nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu...

Đẩy mạnh sản xuất cây màu, cây vụ đông, quy hoạch diện tích đất trồng cỏ để tăng cường nguồn thức ăn chăn nuôi. Khuyến khích hộ nông dân trồng cỏ nuôi bò, dự

trữ rơm rạ làm thức ăn cho mùa mưa.

+Tăng cường công tác thú y, đặc biệt là vấn đề kiểm soát và phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Trạm thú y thường xuyên kiểm tra định kỳ, giám sát theo dõi tình hình dịch bệnh, định kỳ phun thuốc khử trùng tiêu độc, phát hiện dịch bệnh kịp thời và có kế hoạch phòng trừ hiệu quả, không để dịch lây lan trên diện rộng. Phối hợp với các ngành vận động nhân dân nâng cao tỷ lệ tiêm phòng. Vệ sinh chuồng trại, làm chuồng giữ ấm cho mùa đông và thoáng mát vào mùa hè để hạn chế dịch bệnh cho gia súc và gia cầm. Thường xuyên kiểm dịch ở chợ và các điểm giết mổ gia súc.

Khuyến khích phát triển các điểm giết mổ tập trung, các chợ đầu mối trên cơ sở trang bị máy móc theo các quy trình chăn nuôi tiên tiến; Đẩy mạnh xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường.

+Thực hiện tốt công tác quy hoạch; điều chỉnh vững chắc 3 loại rừng: Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất lâm nghiệp. Gắn công tác quy hoạch phát triển lâm nghiệp với quy hoạch sử dụng đất, nhất là đất ở của các hộ dân.

Quản lý việc trồng rừng theo quy hoạch được duyệt. Đầu tư phát triển vốn rừng bao gồm cả trồng mới và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, đẩy nhanh công tác trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Bảo đảm diện tích trồng mới hàng năm đạt trung bình 300 - 350 ha, trồng rừng kinh tế, nhất là trồng cây nguyên liệu giấy như: tre, trẩu, keo theo quy hoạch, để cung cấp cho các nhà máy chế biến của tỉnh, trồng cây bán địa (cây mây nếp, lim, gió bầu..), . Mở rộng diện tích các loại cây trồng như mây, cau, chè, hồ tiêu, cây ăn quả ở những nơi có điều kiện, chú trọng trồng các loại cây lâu năm để lấy gỗ... nhằm tăng sản lượng khai thác, tăng thu nhập trong kinh doanh nghề rừng. Phân đấu độ che phủ rừng đến năm 2015 đạt 65% và đến năm 2020 đạt tỷ lệ 70%

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng và có kế hoạch bảo vệ rừng hiệu quả. Hướng dẫn các chủ rừng thực hiện nghiêm túc phương án phòng cháy, chữa cháy; củng cố các đội, tổ phòng cháy chữa cháy rừng. Xây dựng quy ước bảo vệ rừng và hướng dẫn nhân dân thực hiện. Kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi xâm hại đến rừng như chặt phá rừng nhằm thu lợi trước mắt và đốt rừng làm nương rẫy trái phép.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng đảm bảo người trồng rừng được hưởng lợi từ rừng. Tiến hành khoanh đo, xác định chính xác các loại rừng về quy mô diện tích làm cơ sở để giao đất, giao rừng cho hộ dân quản lý, bảo vệ rừng, mạnh dạn bỏ vốn vào để phát triển kinh tế vườn rừng và hưởng lợi từ rừng. Thực hiện chủ trương tất cả diện tích rừng đều có chủ, không để rừng bỏ hoang và đất trống đồi trọc. Đẩy mạnh công tác khuyến lâm, phát triển kinh tế hộ, khuyến khích nhân dân phát triển kinh tế trang trại.

+ Khai thác có hiệu quả các ao, hồ các loại để nuôi cá và các loại thủy sản nước ngọt, góp phần tăng nguồn thực phẩm thủy sản phục vụ đời sống của nhân dân trong huyện, tiến tới sản xuất hàng hóa, nhằm tăng nhanh sản lượng, giá trị, tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế nông lâm thủy sản của huyện, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân.

Dự kiến sản lượng thủy sản đến năm 2020 đạt 196 tấn, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 190 tấn, diện tích nuôi thủy sản của huyện khoảng 70 ha.

Đẩy mạnh cải tạo ao, hồ truyền thống. Khảo sát lại các loại ao hồ trên địa bàn huyện về điều kiện nguồn nước để có kế hoạch quản lý, bảo vệ (Hồ chứa nước Đồng Càn, hồ Biểu Qua, hồ Hố Cả...). Khuyến khích đào ao nuôi cá tại những diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả, các vùng úng trũng và có nguồn nước chủ động (Long Sơn - Gò Chè). Chú ý khai thác trong diện tích đất mặt nước sông ngòi (đất phi nông nghiệp) vào nuôi trồng thủy sản.

## **2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng**

### **a) Quan điểm và mục tiêu phát triển**

- Phát triển công nghiệp huyện Minh Long gắn với tiềm năng về cung cấp nguồn nguyên liệu của Huyện, gắn với phát triển thương mại - dịch vụ và đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

- Khuyến khích đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế và khả năng cạnh tranh (có nguồn nguyên vật liệu sẵn có, tại chỗ và thu hút nhiều lao động) như chế biến nông sản, lâm sản (chế biến gỗ từ rừng nguyên liệu keo, chế biến chè, chế biến tinh bột mì, làm chổi đót...), các nghề tiểu thủ công nghiệp...

- Tạo điều kiện thuận lợi và quan tâm về mọi mặt để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng GTSX công nghiệp bình quân đạt 22%/năm giai đoạn 2011- 2015 và 35%/năm giai đoạn 2016-2020.

### **b) Phương hướng phát triển và phân bố công nghiệp**

- Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu vào cụm công nghiệp làng nghề xã Long Mai, trên địa bàn huyện. Gắn kết đầu tư xây dựng nhà máy với phát triển vùng nguyên liệu keo.

- Chế biến nông sản thực phẩm: Thu hút các cơ sở chế biến chế biến chè búp đặc sản xuất khẩu; chế biến tinh bột mì; xay xát, nghiền gạo ngô; chế biến thức ăn gia súc...

- Nhóm ngành công nghiệp cơ khí, sửa chữa: Khuyến khích thu hút đầu tư,

phát triển các cơ sở sản xuất, xưởng cơ khí tại trung tâm xã và trung tâm cụm xã đáp ứng nhu cầu tại chỗ cho người dân trong huyện.

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề như nghề làm chổi đót, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ mây, tre. Thực hiện các giải pháp phát triển nghề, làng nghề, động viên, khuyến khích những cá nhân, tập thể phát triển nghề mới.

### **c) Các giải pháp và chính sách phát triển công nghiệp**

- Động viên, khai thác nguồn nội lực, đồng thời dành các nguồn vốn ưu đãi cho các doanh nghiệp được vay. Đồng thời duy trì và tăng cường thêm nguồn vốn khuyến công nhằm khuyến khích các doanh nghiệp phát triển, nhất là các doanh nghiệp mới đầu tư vào các cụm công nghiệp.

- Hoàn chỉnh việc nâng cấp cải tạo một số tuyến giao thông liên xã để phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hỗ trợ phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp.

- Tăng cường công tác đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và đào tạo tay nghề kỹ thuật cho nhân dân lao động bằng nguồn kinh phí của các chương trình mục tiêu, nguồn vốn khuyến công. Hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo nghề cho người lao động.

- Tổ chức quy hoạch vùng nguyên liệu phù hợp, để kết hợp với ngành nông lâm thủy sản và bà con nông dân nhằm phối hợp xây dựng các vùng nguyên liệu ổn định, bền vững phục vụ cho sản xuất như các vùng chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, tập trung, vùng trồng mỳ cao sản, cây nguyên liệu gỗ, vùng chè sạch, trồng, nấm rơm... không những cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến của Huyện mà còn cung cấp nguyên liệu cho các khu công nghiệp của tỉnh.

## **3. Dịch vụ**

### **a) Thương mại**

- Phát triển ngành thương mại trên cơ sở phát huy và khai thác tiềm năng, thế mạnh của huyện, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất, đáp ứng tốt các nhu cầu đời sống xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục thực hiện chính sách thương mại ưu đãi, kịp thời cung cấp những hàng hoá thiết yếu như vật liệu xây dựng, phân bón, thuốc trừ sâu, lúa giống... phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân cũng như tiêu thụ hàng hoá nông, lâm sản, góp phần làm cho sản xuất phát triển.

- Phát triển hệ thống chợ, đặc biệt là chợ trung tâm của huyện làm hạt nhân để phát triển các chợ trung tâm xã. Nâng cấp, mở rộng chợ trung tâm huyện thành chợ loại I, chợ trung tâm cụm xã Long Sơn thành chợ loại II vào năm 2020, xây dựng



cửa hàng thương mại tổng hợp ở trung tâm cụm xã Long Môn; cải tạo hệ thống phân phối xăng dầu...

- Dự kiến tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn huyện đến năm 2015 đạt 39 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt 83 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 17%/năm và giai đoạn 2016-2020 khoảng 16%/năm.

### **b) Du lịch**

- Kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các nhà doanh nghiệp đầu tư vào khu du lịch Thác Trắng.

Định hướng quy hoạch quần thể du lịch thác Trắng Minh Long với tầm nhìn dài hạn, kết hợp tham quan phong cảnh thác Trắng với núi non hùng vĩ và rừng cây nhiệt đới và tham quan các bản làng. Phát triển khu du lịch thác Trắng thành một quần thể du lịch độc đáo và đa dạng, mang bản sắc riêng của địa phương để hấp dẫn du khách.

- Phát triển đa dạng sản phẩm du lịch độc đáo mang bản sắc riêng đặc trưng (sản phẩm du lịch lễ hội của người HRê, các món ăn đặc sản miền núi, đồ mỹ nghệ mây tre đan...) nhằm thu hút du khách.

- Xây dựng các tour du lịch từ thành phố Quảng Ngãi đến huyện Minh Long - thác Trắng và đi huyện Ba Tơ.

### **c) Các loại hình dịch vụ khác**

- Phát triển mạng lưới dịch vụ vận chuyển hàng hoá và hành khách với chất lượng ngày càng được nâng cao. Tăng cường các tuyến vận tải đi thành phố Quảng Ngãi và các huyện.

- Khuyến khích rộng rãi mọi thành phần kinh tế tham đầu tư khai thác kinh doanh dịch vụ vận tải. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh vận tải. Các phương tiện vận tải phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, giảm tối đa tai nạn giao thông.

- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ về tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Đầu tư hệ thống thanh toán rút tiền tự động qua máy ATM để đáp ứng nhu cầu thanh toán cho cá nhân cũng như các doanh nghiệp hoạt động được thuận lợi. Đẩy mạnh các hoạt động bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ) và các dịch vụ tài chính khác khi có điều kiện.

- Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình kinh doanh dịch vụ tại trung tâm huyện và xã như: dịch vụ văn hoá, vui chơi giải trí, thể dục thể thao...

- Thực hiện chuyển các hoạt động sự nghiệp sang cơ chế cung ứng dịch vụ phù hợp với cơ chế thị trường.

#### **4. Các lĩnh vực xã hội**

##### **a) Dân số**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số kế hoạch hoá gia đình nhằm duy trì vững chắc xu thế giảm sinh. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục, tư vấn nhằm xã hội hoá rộng rãi công tác dân số, chuyển đổi nhận thức của mỗi người dân về vấn đề dân số, kế hoạch hoá gia đình. Đa dạng hoá các loại hình cung cấp dịch vụ và tư vấn sức khoẻ sinh sản kế hoạch hoá gia đình. Giảm tỷ suất chết của trẻ sơ sinh và trẻ em dưới 5 tuổi. Nâng cao chất lượng dân số.

Trong giai đoạn đến năm 2015 mỗi năm phấn đấu đạt mức giảm tỷ lệ sinh còn 0,4-0,5‰, sau năm 2015 mỗi năm giảm tỷ lệ sinh còn 0,2-0,3‰.

Dự kiến tốc độ phát triển dân số bình quân giai đoạn 2011-2015 là 1,0% năm và giai đoạn 2016-2020 khoảng 0,8%/năm. Dân số trung bình của huyện đến năm 2010 là 15,9 ngàn người, năm 2015 đạt 16,7 ngàn người và năm 2020 khoảng 17,6 ngàn người.

##### **b) Lao động, việc làm**

- Khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân mở thêm ngành nghề tạo việc làm cho mình và cho người khác, thực hiện các giải pháp để giúp người thất nghiệp, người thiếu việc làm có việc làm đầy đủ.

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 20% năm 2015 và đạt 35% năm 2020.

- Khuyến khích nhân dân xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế của địa phương, có phương án vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội để tạo việc làm cho người lao động.

Quan tâm đào tạo nghề cho người lao động để đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm mạnh lao động sản xuất nông lâm ngư nghiệp, tăng nhanh lao động công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, nâng cao chất lượng lao động.

##### **c) Giáo dục - đào tạo**

- Thật sự coi phát triển giáo dục đào tạo là khâu đột phá, là nhân tố quyết định sự phát triển nhanh và bền vững của huyện. Đi đôi với phát triển về số lượng, phải đặc biệt chú trọng chất lượng tri thức và phẩm chất con người trong quá trình đào tạo, quan tâm tới rèn luyện đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, ngành học.

- Đến năm 2015 các trường thuộc huyện quản lý được trang đầu tư thiết bị giáo dục tối thiểu, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện cho học sinh ở các cấp học, ngành học. Đến năm 2015 hầu hết trẻ em đều được chăm sóc, giáo dục dưới mọi hình thức,

huy động 50% số cháu đi nhà trẻ, 80% số cháu trong độ tuổi đi học mẫu giáo. Sắp xếp lại các điểm trường, đến năm 2015 có 25% trường mầm non đạt chuẩn. Đến năm 2020 huy động 70% số cháu trong độ tuổi vào nhà trẻ, 100% học mẫu giáo, trên 50% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, tích cực thực hiện chủ trương dạy 2 buổi/ngày. Phần đầu đến năm 2015 có 40% số trường đạt chuẩn quốc gia và đến năm 2020 có khoảng 80% số trường đạt chuẩn quốc gia.

- Duy trì số lượng, ngăn ngừa học sinh bỏ học, tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được học tập. Phụ đạo học sinh kém để hạn chế tối đa học sinh lưu ban.

- Bậc Trung học cơ sở: Giữ vững và nâng cao tiêu chí phổ cập Trung học cơ sở ở 100% xã. Chấm dứt tình trạng dạy chéo môn, thực hiện học 2 buổi/ngày.

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia 25% vào năm 2015 và 60% vào năm 2020. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giảm tỉ lệ học sinh lưu ban và bỏ học xuống dưới 0,2%.

- Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo của trường THPT để tăng số học sinh tốt nghiệp THCS được học THPT. Tiến tới phổ cập trình độ THPT cho thanh niên.

Nâng tỉ lệ học sinh THPT so với dân số độ tuổi 70% vào năm 2015, lên khoảng 80% vào năm 2020.

#### **d) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân**

- Việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe và giải quyết các vấn đề bệnh tật phải lấy dự phòng tích cực và chủ động đi đôi với nâng cao chất lượng điều trị, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

Phần đầu để mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe ban đầu một cách tốt nhất, các dịch vụ y tế gần với nhân dân, người dân có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế ngày càng tốt, chất lượng cao hơn. Mọi người sống trong cộng đồng an toàn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, giảm tỷ lệ mắc bệnh.

- Không để dịch bệnh lớn xảy ra, nếu dịch bệnh xảy ra cần nhanh chóng bao vây khống chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do dịch gây ra. Khắc phục một bước cơ bản các bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình y tế quốc gia, y tế dự phòng, giảm tỷ lệ người mắc bệnh và tử vong do các bệnh truyền nhiễm như sốt xuất huyết, sốt rét, tả,...

- Củng cố, kiện toàn hệ thống y tế, phần đầu đến năm 2015 có 100% số xã được công nhận chuẩn Quốc gia về y tế. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế về chuyên môn, y đức, quản lý và sử dụng trang thiết bị hiện đại.

**đ) Văn hoá, thông tin, Thể dục thể thao****- Văn hoá - thông tin**

Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, thông tin; phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương và nhu cầu giải trí, hưởng thụ văn hoá tinh thần của nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá, gia đình văn hoá, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn văn hoá. Đến năm 2015: 70% gia đình, 75% số thôn, 90% cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá. Tỷ lệ này vào năm 2020 là 85% gia đình, 95% thôn, làng và 100% cơ quan, trường học.

Chú trọng đầu tư cho hệ thống thiết chế văn hoá - thông tin từ huyện đến các xã. Xây dựng trung tâm văn hoá - thể thao, thư viện, sân bãi thể thao, nhà truyền thống và khu vui chơi giải trí, đội thông tin lưu động huyện; có tụ điểm vui chơi giải trí; đến 2020, 100% thôn làng có nhà văn hoá. Đến 2015, 100% đài truyền thanh huyện, xã được củng cố và nâng cấp, đầu tư trang thiết bị hiện đại.

**- Thể dục thể thao**

Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, từng bước đưa phong trào thể dục thể thao phát triển toàn diện, sâu rộng đến các xã và các khu dân cư.

Quy hoạch đất dành cho khu Trung tâm thể dục thể thao của huyện để xây dựng các công trình: Nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi, sân quần vợt và các sân tập, nhà tập đơn giản các môn thể thao khác.

**g) Xóa đói giảm nghèo và các chính sách xã hội khác**

Tập trung vào việc lập dự án giảm nghèo có sự tham gia của người dân. Nâng cao nhận thức của xã hội và năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo.

Phối hợp lồng ghép các chương trình, các dự án đầu tư cho công tác giảm nghèo. Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập thông qua cung cấp tín dụng ưu đãi cho các hộ nghèo có sức lao động, có nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất kinh doanh. Tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội như hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở...và chuyển giao công nghệ, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư nâng cao năng lực và đào tạo nghề cho người lao động.

Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 30% vào năm 2015, dưới 15% vào năm 2020 theo chuẩn nghèo của các giai đoạn tương ứng.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công, đảm bảo cuộc sống vật chất, tinh thần gia đình người có công bằng hoặc cao hơn mức trung bình của nơi cư trú. Bảo đảm trợ cấp xã hội, cứu tế đột xuất cho các đối tượng đặc biệt khó khăn.

**5. Phát triển kết cấu hạ tầng**

**a) Mạng lưới giao thông**

- Nâng cấp tỉnh lộ 624, 625 và 628 đến năm 2015 đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi và đến năm 2020 đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi.

- Tiếp tục thực hiện cải tạo, nâng cấp, trải nhựa, bê - tông xi măng các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi đến năm 2015.

- Các tuyến đường xã giai đoạn đến năm 2015: Nâng cấp đoạn tuyến đạt cấp A-GTNT, nâng cấp hoàn chỉnh, mặt đường được cứng hóa hoặc rải cấp phối đạt 100%.

Giai đoạn đến năm 2020: Nâng cấp 100% các tuyến, một số tuyến quan trọng đạt cấp VI, đảm bảo mặt đường được nâng cấp rải nhựa, bê tông xi măng.

- Đường thôn, xóm được nâng cấp đạt loại B-GTNT, giai đoạn sau xem xét nâng cấp đạt loại A-GTNT hoặc cấp VI.

- Đường trong trung tâm Huyện lỵ (đường nội thị): Cải tạo, nâng cấp mở rộng và làm mới cơ bản hoàn thành vào năm 2020 theo quy hoạch được duyệt

Các tuyến kè bờ sông, suối và các tuyến đường quan trọng trong phòng chống lũ, bão cần tiếp tục được đầu tư xây dựng để đảm bảo chống sạt lở, ổn định dân cư.

**b) Mạng lưới cấp điện**

Tiếp tục nâng cấp một số công trình điện ở các thôn để đảm bảo đến năm 2015 số hộ sử dụng điện đạt 100%, đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

Tiếp tục nghiên cứu, khai thác các vị trí nguồn nước để xây dựng các công trình thủy điện nhỏ (công suất từ 1 - 2 KW) cung cấp điện cho các hộ gia đình ở những nơi điện lưới quốc gia không kéo đến được.

**c) Hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường**

- Hoàn thiện hệ thống hồ, đập và kênh mương trên địa bàn Huyện. Cải tạo, xây mới công đập, kênh mương theo quy hoạch mới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, hiệu quả cao.

- Thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi và khắc phục các công trình hư hỏng. Chỉ đạo nạo vét kênh mương nội đồng, vận động nhân dân gia cố đập tạm, đập bồi, tham gia các chương trình kiên cố hoá kênh mương thủy lợi nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Xây dựng và triển khai phương án phòng chống hạn cho cây trồng. Đến năm 2020 nâng lên 90% diện tích được tưới bằng các công trình thủy lợi kiên cố.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống cấp nước tập trung cho trung tâm Huyện lỵ. Phát triển hệ thống cấp nước sạch theo mô hình cấp nước tập trung và phân tán đảm bảo phục vụ nhân dân. Phân đấu tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh nâng lên 90% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020.

- Kiểm soát, thu gom rác thải; quy hoạch, xây dựng hệ thống bãi xử lý rác thải, bãi chôn rác ở các xã.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân phòng ngừa và xử lý kịp thời những khu vực bị ô nhiễm môi trường. Đến năm 2015, 85 % số hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh và đạt 100% vào năm 2020. Chấm dứt tình trạng chăn nuôi gia súc thả rông.

#### **d) Bưu chính - viễn thông, công nghệ thông tin**

Phát triển ngành bưu chính theo hướng cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa mạng lưới phục vụ đến gần hơn với khách hàng, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại đồng thời đảm bảo an ninh, an toàn thông tin quốc gia.

Phân đấu duy trì 100% số xã có điểm bưu điện văn hoá xã và có báo đến trong ngày. Phát triển thêm các dịch vụ mới như dịch vụ trả lương hưu, dịch vụ thanh toán, dịch vụ đại lý viễn thông, các dịch vụ bưu chính lai ghép (E-post)...

Mở rộng phạm vi phủ sóng đến từng xã, phổ cập dịch vụ điện thoại và Internet dưới hình thức trợ giá và truy nhập Internet theo các chương trình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí.

Đẩy nhanh xây dựng mạng vô tuyến băng thông rộng. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, thương mại điện tử...

### **IV. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THEO LÃNH THỔ**

#### **1. Định hướng phát triển đô thị**

- Xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng, hệ thống công sở, các công trình dịch vụ, công cộng để đến năm 2015 hình thành thị trấn Minh Long với quy mô dân số khoảng 3.500 người và đạt khoảng 4.500 người vào năm 2020. Tỷ lệ đô thị hoá của huyện đạt 26,4% vào năm 2015 và khoảng 35% vào năm 2020.

- Nâng cấp, xây dựng hệ thống giao thông, các công trình công cộng, công trình phúc lợi của 4 xã còn lại: Long Mai, Long Môn, Long Sơn, Thanh An để hình thành các thị tứ vào năm 2020.

#### **2. Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn**

Quy hoạch sắp xếp lại các khu dân cư nông thôn để không ngừng nâng cao đời sống và các điều kiện sinh hoạt của nhân dân về điện, nước, phương tiện nghe nhìn, đi lại, học hành, khám chữa bệnh. Di dời các khu dân cư ở vùng thiên tai, vùng khó khăn về khu quy hoạch mới. Huy động mọi nguồn lực của xã hội để thực hiện xây dựng các điểm dân cư nông thôn, các trung tâm xã theo quy hoạch. Đến năm 2015 có một xã đạt tiêu chí nông thôn mới (đạt 20%). Đến năm 2020 có 60% số xã đạt nông thôn mới.

Đối với những điểm dân cư nông thôn đã tồn tại ổn định lâu dài, cần thiết kế cải tạo, chỉnh trang lại các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với ngành nghề của từng cụm dân cư. Tiếp tục tổ chức giãn dân xen ghép nội vùng cho các thôn vùng sâu, vùng xa, thuận tiện cho sinh hoạt, bảo vệ sức khỏe, sản xuất và phát triển kinh tế gia đình.

### **3. Định hướng quy hoạch sử dụng đất**

- Chú trọng cải tạo vườn tạp, phát triển trồng cây ăn quả, cây công nghiệp; sử dụng mặt nước các hồ thủy lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản, du lịch... phải hiệu quả, tiết kiệm để nâng cao giá trị trên một ha đất canh tác..

- Bảo vệ và mở rộng quỹ đất lâm nghiệp hiện có, tăng cường công tác trồng, khoanh nuôi, tái sinh rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, nâng cao độ che phủ rừng.

- Ưu tiên bố trí đất cho xây dựng trung tâm huyện lỵ, bố trí hệ thống công sở, các công trình công cộng.

- Dự kiến quỹ đất ở để bố trí lại dân cư tại các vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét ven sông, suối, vùng sạt lở núi; các hộ di dân giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông.

- Quy hoạch quỹ đất tại các xã để xây dựng các công trình công cộng: chợ, trường học, nhà văn hóa, sân thể thao..

## **V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

*(Có phụ lục đính kèm)*

## **VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Các giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư**

Để thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu phát triển đã đề ra theo phương án tăng trưởng lựa chọn, dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2011-2015 khoảng 450 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 khoảng 780 tỷ đồng.

Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư như trên cần phải có hệ thống biện pháp huy động vốn một cách tích cực, tập trung vào các nguồn vốn chủ yếu sau:

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cần tập trung cho các công trình hạ tầng quan trọng, các công trình trọng điểm như: giao thông, thủy lợi và công trình phúc lợi như: trạm y tế, trường học, công viên, hệ thống công sở... Để nâng cao nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cần tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế trên địa bàn huyện trên cơ sở tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm cho đầu tư phát triển.

- Kêu gọi Trung ương và tỉnh đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng lớn của mạng lưới giao thông, thủy lợi, trường học, hệ thống công sở..., bao gồm cả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức phi chính phủ (NGO).

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu trên địa bàn huyện như chương trình giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, các chương trình 135, chương trình 30a, chương trình kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên và các chương trình mục tiêu khác.

- Xây dựng hạ tầng các cụm làng nghề và thu hút đầu tư vào sản xuất kinh doanh, mở mang các nghề mới.

## **2. Giải pháp phát triển nguồn lực**

- Chất lượng nguồn nhân lực cùng với trình độ lao động cao là yếu tố quyết định trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới, yêu cầu cấp bách là nâng cao chất lượng và trình độ lao động.

- Đổi mới phương pháp lãnh đạo, điều hành và nâng cao năng lực của các cấp chính quyền trong huyện, quan tâm giải quyết kịp thời, triệt để những vấn đề bức xúc trong nhân dân. Thường xuyên đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao và bổ sung những kiến thức mới về trình độ chuyên môn, kỹ thuật, về quản lý hành chính nhà nước để có đủ khả năng tổ chức quản lý, điều hành nền kinh tế, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục đưa đi đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học - kỹ thuật trên địa bàn huyện. Quan tâm đào tạo cán bộ kỹ thuật cho các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, khu vực nông thôn. Đặc biệt chú ý đào tạo lực lượng lao động trẻ, bồi dưỡng kiến thức tổ chức, quản lý, trình độ kỹ thuật để họ trở thành những hạt nhân nắm bắt những phương thức làm ăn mới, tự thân lập nghiệp; khuyến khích họ gắn bó và vươn lên làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương mình.

- Phối hợp chặt chẽ với các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề của tỉnh để mở các khoá đào tạo tại chỗ cho lao động của huyện. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề cho tầng lớp thanh niên và người lao động.



- Coi trọng sử dụng người tài, có chính sách động viên, khuyến khích thu hút chất xám bên ngoài đóng góp trí tuệ, tham gia đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

### **3. Giải pháp phát triển khoa học và công nghệ**

- Cần có sự liên doanh, liên kết chặt chẽ thường xuyên giữa huyện với các cơ quan khoa học của tỉnh trong việc chuyển giao, ứng dụng những thành tựu tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mà huyện không có điều kiện thực hiện. Có các cơ chế khuyến khích ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học- kỹ thuật và tin học vào sản xuất và các lĩnh vực khác như: quản lý, điều hành...

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi cho năng suất cao, trong kỹ thuật canh tác, bảo quản, chế biến nông lâm sản.

- củng cố và mở rộng mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm đến tận các thôn, xã. Thực hiện có hiệu quả các chương trình khuyến nông, khuyến lâm cho khu vực nông thôn. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, chuyển giao công nghệ, đặc biệt là đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới, những kỹ thuật, công nghệ sinh học tới các hộ nông dân để họ có thể tiếp nhận, thực nghiệm và áp dụng trực tiếp vào sản xuất kinh doanh và đời sống sinh hoạt hàng ngày.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật ở các địa bàn cơ sở, chú trọng đào tạo kỹ thuật, tay nghề cho tầng lớp thanh niên, đây là lực lượng lao động, trẻ khỏe có khả năng nắm bắt nhanh nhạy các kỹ thuật công nghệ mới.

- Tăng cường thông tin đại chúng, đáp ứng các yêu cầu về thông tin cho nhân dân, đặc biệt các thông tin kinh tế, khoa học kỹ thuật, thương mại.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi, có hiệu quả kinh tế cao, nhất là trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và nông lâm nghiệp.

### **4. Phối hợp phát triển giữa huyện huyện Minh Long với các huyện thành phố và các ngành của tỉnh**

Thông qua các tuyến đường Tỉnh lộ 624, 625, 628, đi qua huyện, các tuyến đường huyện,... kêu gọi hình thành các tuyến du lịch giữa các huyện.

Phối hợp với các ngành của tỉnh để triển khai các chương trình phát triển và hợp tác phát triển, trong xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư của tỉnh trên địa bàn huyện và trong xây dựng các cơ chế, chính sách cho huyện.

### **5. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện qui hoạch**

Sau khi quy hoạch được phê duyệt, cần công khai hoá quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tuyên truyền, thu hút sự chú ý của toàn dân, của các nhà đầu tư để huy động tham gia thực hiện quy hoạch.

Triển khai, cụ thể hóa quy hoạch qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm, các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chi tiết khác.

Giám sát việc thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch. Cuối mỗi kỳ quy hoạch (năm 2015, 2020) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch của từng thời kỳ, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.

## VII. TỔ CHỨC GIÁM SÁT VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

### 1. Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của huyện Minh Long đến năm 2020 cho các cấp uỷ Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện;

- Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế, các chương trình, dự án ưu tiên cho các nhà đầu tư.

### 2. Xây dựng chương trình hành động

- Sau khi quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch, UBND huyện Minh Long xây dựng chương trình hành động để thực hiện Quy hoạch.

- Cụ thể hoá các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

**Điều 2.** UBND huyện Minh Long căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch, phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh xây dựng, trình duyệt và triển khai thực hiện theo các nội dung sau:

- Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để đảm bảo sự phát triển tổng thể, đồng bộ và bền vững.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

- Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình phát triển KT-XH hàng năm, 5 năm.

**Điều 3.** Các Sở, ngành liên quan của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn và hỗ trợ UBND huyện Minh Long nghiên cứu lập các quy hoạch, kế

hoạch chi tiết nêu tại Điều 2 của quyết định này; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án theo lĩnh vực ngành có tác động quan trọng đối với sự phát triển của huyện theo quy hoạch đã được phê duyệt. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên kết nêu trong quy hoạch.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Minh Long và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Thích**

**Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư thời kỳ 2011-2020  
của huyện Minh Long**

*(Kèm theo Quyết định số: 151/QĐ-UBND ngày 61/8/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>
<b>I</b>	<b>Dự án đầu tư từ nguồn Ngân sách nhà nước</b>
1	Nâng cấp mở rộng tỉnh lộ 624 Quảng Ngãi đến Minh Long
2	Nâng cấp mở rộng tỉnh lộ 625 từ Ba Động-Minh Long-Sơn Kỳ
3	Nâng cấp mở rộng tỉnh lộ 628 từ quốc lộ IA Chợ Tre-Hành Dũng-Long Sơn-Thanh An
4	Nâng cấp mở rộng Đường Làng Trê-Làng Ren-Nước Cua xã Long Môn
5	Thông tuyến và thâm Nhập nhựa Đường đi Làng Tranh Long Sơn
6	Xây dựng mới và nâng cấp mở rộng hệ thống giao thông TT huyện lỵ
7	Xây dựng kè chống sạt lở các khu dân cư ở hai bờ sông Phước Giang (Thanh An- Long Hiệp- Long Mai-Long Sơn)
8	Xây dựng kè chống sạt lở khu dân cư Làng Trê, Long Môn
9	Xây dựng kè chống sạt lở khu dân cư theo dọc Suối Tía, Long Hiệp
10	Xây dựng Khu dân cư tập trung theo quyết định 193, 33 của chính phủ
11	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao huyện
12	Xây dựng mới các công trình thủy lợi ( Hồ,Đập)
13	Xây dựng các cây cầu dọc theo sông Phước Giang đoạn từ Thanh An xuống Long Hiệp, Long Sơn
14	Nâng cấp mở rộng đường đi Cà Xen xã Long Môn
15	Nâng cấp các tuyến đường xã và huyện
16	Sửa chữa, nâng cấp các công trình Thủy Lợi
17	Nâng cấp xây dựng mới điện thắp sáng các thôn
18	Xây dựng mới, nâng cấp các trạm Y tế xã
19	Xây dựng và nâng cấp các nhà văn hóa xã và thôn
20	Xây dựng nước sạch vệ sinh môi trường tập trung và phân tán
21	Xây dựng thư viện huyện
22	Xây dựng và nâng cấp trụ sở xã
23	Kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên
24	Làm mới và kiên cố hóa bê tông giao thông nông thôn
25	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi
26	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ chế biến nông sản
27	Mở rộng và nâng cấp bãi chôn lấp rác thải của huyện và xã
28	Xây dựng, nâng cấp các chợ huyện, xã
<b>II</b>	<b>Dự án kêu gọi nguồn vốn đầu tư:</b>
1	Khu Du lịch Thác trắng, Hồ Đồng Cầm -Thanh An
2	Cụm làng nghề xã Long Mai
3	Xây dựng nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi, sân quần vợt và các sân tập thể thao tại trung tâm huyện